**Phụ lục IV**

**DANH MỤC TÀI LIỆU CÁC MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH DÀNH CHO VIÊN CHỨC DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày /12/2022 của Sở Nội vụ)*

| STT | Ngành, lĩnh vực, chức danh nghề nghiệp dự thi | Danh mục nội dung tài liệu |
|---|---|---|
| 1 | **Thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên chuyên viên (mã số 01.003)** | 1. Luật Viên chức ngày 15/11/2010 (trích các Điều: từ Điều 1 đến Điều 35; từ Điều 47 đến Điều 50) được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Cán bộ công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019 (từ khoản 1 đến khoản 4 Điều 2)<br>2. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (các Điều: từ Điều 1 đến Điều 36; Điều 57; Điều 58; Điều 61; Điều 65; Điều 66)<br>3. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (các Điều: từ Điều 1 đến Điều 18; từ Điều 24 đến Điều 27)<br>4. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (các Điều: từ Điều 1 đến Điều 11; Điều 13; Điều 14; Điều 16)<br>5. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (các Điều: từ Điều 1 đến Điều 28; Điều 30; Điều 35; Điều 37; Điều 38)<br>6. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư (các Điều: từ Điều 1 đến Điều 13; từ Điều 28 đến Điều 31)<br>7. Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (các Điều: từ Điều 1 đến Điều 18; từ Điều 36 đến Điều 38; Điều 42, Điều 43); Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (các khoản 2, 3, 4, 5, 12 Điều 1)<br>8. Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư (các Điều: từ Điều 1 đến Điều 4; từ Điều 6 đến Điều 9; Điều 13; Điều 14; từ Điều 16 đến Điều 19); Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ trưởng Bộ |

| STT | Ngành, lĩnh vực, chức danh nghề nghiệp dự thi | Danh mục nội dung tài liệu |
|---|---|---|
| | | Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư (khoản 3, 4, 5, 6, 9 Điều 1 và Điều 2)<br>9. Quy định về về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên ban hành kèm theo quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của UBND tỉnh Hưng Yên (từ Điều 1 đến Điều 8); Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 01/11/2018 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của UBND tỉnh quy định về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên (Điều 1)<br>10. Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học, thu hút nhân tài và thưởng khuyến khích tài năng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên ban hành kèm theo Nghị quyết số 168/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (từ Điều 1 đến Điều 6)<br>11. Quy định triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học, thu hút nhân tài và khen thưởng, khuyến khích tài năng tỉnh Hưng Yên ban hành kèm theo Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (các Điều: từ Điều 1 đến Điều 12; từ Điều 18 đến Điều 20)<br>12. Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên ban hành kèm theo Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.<br>13. Quy chế quản lý hồ sơ công chức, viên chức và người lao động tỉnh Hưng Yên ban hành kèm theo Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên |
| 2 | **Thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên Văn thư viên (mã số 02.007)** | 1. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015<br>2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020<br>3. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về Công tác văn thư<br>4. Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về |

| STT | Ngành, lĩnh vực, chức danh nghề nghiệp dự thi | Danh mục nội dung tài liệu |
|---|---|---|
| | | quản lý và sử dụng con dấu<br>5. Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03/6/2011 của Bộ Nội vụ Quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức<br>6. Thông tư số 13/2011/TT-BNV ngày 24/10/2011 của Bộ Nội vụ Quy định thời hạn bảo quản tài liệu hình thành trong hoạt động của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương<br>7. Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc, gửi nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước |
| 3 | **Thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên Kế toán viên (mã số 06.031)** | 1. Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015<br>2. Luật Kế toán ngày 20/11/2015<br>3. Luật Quản lý tài sản công ngày 21/6/2017<br>4. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước<br>5. Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công<br>6. Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/04/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên<br>7. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập<br>8. Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước<br>9. Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị được và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ<br>10. Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp<br>11. Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp |

| STT | Ngành, lĩnh vực, chức danh nghề nghiệp dự thi | Danh mục nội dung tài liệu |
|---|---|---|
| | | quyết toán năm<br>12. Thông tư số 56/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, sử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập<br>13. Nghị quyết số 145/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên<br>14. Nghị quyết số 153/2021/NQ-HĐND ngày 7/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định về nguyên tắc tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022<br>15. Nghị quyết số 154/2021/NQ-HĐND ngày 7/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp Ngân sách tỉnh Hưng Yên năm 2022 |
| 4 | **Thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III (mã số V.03.01.02)** | 1. Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013<br>2. QCVN 01-38 : 2010/BNNPTNT. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng ban hành kèm theo Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT ngày 10/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn<br>3. Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật<br>4. Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật (các quy chuẩn: QCVN 01 - 166 : 2014/BNNPTNT; QCVN 01 - 167 : 2014/BNNPTNT; QCVN 01 - 168 : 2014/BNNPTNT; QCVN 01 - 169 : 2014/BNNPTNT; QCVN 01 - 177 : 2014/BNNPTNT; QCVN 01 - 119 : 2012/BNNPTNT)<br>5. Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về kiểm dịch và bảo vệ thực vật (QCVN 01 - 119 : 2012/BNNPTNT) |

| STT | Ngành, lĩnh vực, chức danh nghề nghiệp dự thi | Danh mục nội dung tài liệu |
|---|---|---|
| | | 6. Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 15/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 5 | **Thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III (mã số: V.03.04.11)** | 1. Luật Thú y ngày 19/6/2015<br>2. Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y<br>3. Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thônQuy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y<br>4. Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thônQuy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn<br>5. Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn<br>6. Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản<br>7. Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 26/2016/ TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản<br>8. Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 15/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| **6** | **Thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên Diễn viên hạng III (mã số V.10.04.14)** | 1. Nghị định số 144/2020/ NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ Quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn<br>2. Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh<br>3. Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 19/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển nghệ thuật biểu diễn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030" |

| STT | Ngành, lĩnh vực, chức danh nghề nghiệp dự thi | Danh mục nội dung tài liệu |
|---|---|---|
| | | 4. Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg ngày 20/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và chế độ bồi dưỡng đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn<br>5. Nghệ thuật biểu diễn Chèo truyền thống của tác giả Trần Đình Ngôn, nhà xuất bản sân khấu Hà Nội năm 2010 |
| **7** | **Thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên Kỹ sư (hạng III), mã số V.05.02.07** | 1. Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013 (các Điều: 6, 9, 11, 13,14, 16, 17, 20, 24, 29, 34, 35, 37, 45, 76)<br>2. Luật chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017 (các Điều: 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12)<br>3. Luật Công nghệ cao ngày 11/12/2014 (các Điều: 4, 5, 6, 9, 16, 18, 19, 20, 21, 22, 31, 32, 33)<br>4. Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 (các Điều: 1,2, 5,6, từ Điều 9 đến Điều 19; Điều 58, Điều 59, từ Điều 62 đến Điều 71, Điều 84, Điều 86, Điều 91, Điều 93, từ Điều 100 đến Điều 07).<br>5. Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/9/2009 (Từ khoản 1 đến khoản 12 Điều 1)<br>6. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/9/2019 (Điều 2)<br>7. Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006 (các Điều: 5, 6, 7, 17, 20, từ Điều 27 đến Điều 32, Điều 40, Điều43, từ Điều45 đến Điều 49, Điều 51, Điều52, Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 61, Điều 62)<br>8. Luật Đo lường ngày 11/11/2011 (các Điều: 4, 5, 7, 35, 36, 38, 39, 40)<br>9. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 10/12/2018 (các Điều: 5, 6, từ Điều 8 đến Điều 18, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 40)<br>10. Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ (các Điều: từ Điều 4 đến Điều 12, Điều 16)<br>11. Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan.<br>12. Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/05/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; (Các Điều: 4, 11, 21, 22) |

| STT | Ngành, lĩnh vực, chức danh nghề nghiệp dự thi | Danh mục nội dung tài liệu |
|---|---|---|
| | | 13. Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 40/2014/nđ-cp ngày 12 tháng 5 năm 2014 của chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và nghị định số 87/2014/nđ-cp ngày 22 tháng 9 năm 2014 của chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người việt nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại việt nam (Điều 1)<br>14. Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 16/01/2016 của Chính phủ quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình (Chương II đến Chương V)<br>15. Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế (từ Điều 1 đến Điều 7; từ Điều 33 đến Điều 36; từ Điều 40 đến Điều 42; từ Điều 51 đến Điều 58; từ Điều 63 đến Điều 65 từ Điều 70 đến Điều 74)<br>16. Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin Truyền thông quy định về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình |
| **8** | **Thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên địa chính viên Hạng III (mã số V.06.01.02** | 1. Luật Đất đai ngày 29/11/2013<br>2. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai<br>3. Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai<br>4. Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai<br>5. Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất<br>6. Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ địa chính<br>7. Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai; |

| STT | Ngành, lĩnh vực, chức danh nghề nghiệp dự thi | Danh mục nội dung tài liệu |
|---|---|---|
| | | 8. Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định việc rà soát, công bố công khai, lấy ý kiến và giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý; Điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách diện tích đất công thành dự án độc lập để đấu giá quyền sử dụng đất |
| **9** | **Thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên đo đạc bản đồ viên (mã số V.06.06.17)** | 1. Luật Đo đạc và Bản đồ ngày 14/6/2018<br>2. Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ<br>3. Nghị định 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và Bản đồ<br>4. Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính<br>5. Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định việc rà soát, công bố công khai, lấy ý kiến và giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý; Điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách diện tích đất công thành dự án độc lập để đấu giá quyền sử dụng đất |
| **10** | **Thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên công tác xã hội viên hạng III (mã số V.09.04.02)** | 1. Luật Người cao tuổi ngày 23/11/2009 (các Điều: 2, 3, 4, 5, 6, 9, 10, 11, 17, 18, 19, 20, 21, 22)<br>2. Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010 (các Điều: từ Điều 1 đến Điều 8, Điều 11, từ Điều 13 đến Điều 48)<br>3. Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội (các Điều: 23, 24, 25)<br>4. Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (các Điều: từ Điều 24 đến Điều 30)<br>5. Thông tư Liên tịch số 30/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 19/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội (các Điều: 1, 2, 3, 5, 6) |

| STT | Ngành, lĩnh vực, chức danh nghề nghiệp dự thi | Danh mục nội dung tài liệu |
|---|---|---|
| | | 6. Thông tư số 01/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội Quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm công tác xã hội (các Điều: 1, 2, 3, 4, 5, 8)<br>7. Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội Hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, định mức nhân viên và quy trình, tiêu chuẩn trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội (các Điều: 7, 8, 9, 10)<br>8. Thông tư số 02/2020/TT-BLĐTBXH ngày 14/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội Hướng dẫn quản lý đối tượng được cơ sở trợ giúp xã hội cung cấp dịch vụ công tác xã hội<br>9. Quyết định số 1751/QĐ-BLĐTBXH ngày 08/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc ban hành các chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội (hạng III, IV) và phê duyệt chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cộng tác viên công tác xã hội<br>10. Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Quy định mức trợ cấp, hỗ trợ cho một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (khoản 1 Điều 2; Điều 3) |